

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2024/DS-ST
Ngày: 27 – 9 – 2024
V/v tranh chấp hợp đồng cầm
cổ tài sản

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Vinh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Ngự

Ông Thạch Văn Hòa

- Thư ký Tòa án: Bà Trần Thị Ngọc Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 121/2024/TLST-DS, ngày 21 tháng 6 năm 2024 về việc “**Tranh chấp hợp đồng cầm cổ tài sản**” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 154/2024/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công Ty Cổ Phần S. Địa chỉ: Số 128, N, phường B, thành phố V, tỉnh N.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **KANOKWATPAISAL NAPAT**-
Chức vụ: Giám đốc Công Ty Cổ phần S.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Võ Anh H**, sinh năm 1997 (Vắng mặt, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ liên hệ: 47, L, phường 3, thành phố S, tỉnh S (Theo giấy ủy quyền số 289/2023/UQ-SVN, đề ngày 01/10/2023).

- Bị đơn: Bà **Trương Đức D**, sinh năm 2001. Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh S (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13 tháng 05 năm 2024; đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Võ Anh H trình bày:

Vào ngày 23/11/2022, bà Trương Đức D có đến địa chỉ Sóc Trăng của Công ty tại địa chỉ: Số 47, L, Phường 3, thành phố S, tỉnh S, để ký hợp đồng cầm cố tài sản. Cụ thể theo hợp đồng số: STM221101025NA22X được ký giữa các bên ngày 23/11/2022 số đăng ký Giao dịch Đảm bảo trên Hệ thống Đăng ký Trực tuyến của Cục Đ: Giaodichdambao/botuphap. 1480808651 theo web: <https://dktructuyen.moj.gov.vn/>Thì bà Trương Đức D có ký hợp đồng cầm cố tài sản là: 01 xe mô tô hai bánh BKS 83G1-122.85; Loại xe YAMAHA SIRIUS màu: XÁM XANH BẠC ĐEN; Số khung RLCUTIVE – Số máy E32VE650391; Số Giấy chứng nhận đăng ký xe moto số 83 00460 do Công an tỉnh S cấp ngày 31/10/2022. Để lấy số tiền là 12.100.000 đồng (Mười hai triệu một trăm nghìn đồng), thời hạn cầm cố là 12 tháng (từ 23/11/2022 - 23/11/2023) với mức lãi suất là 1,1%/ tháng. Theo hợp đồng cầm cố đã ký thì Công ty đã giải ngân đầy đủ số tiền trên cho bà Trương Đức D.

Do nhu cầu cần có xe đi lại hàng ngày nên Công ty có ký giấy cho bà Trương Đức D mượn lại xe sử dụng. Trong Giấy mượn xe có quy định có thời hạn mượn sự 23/11/2022 đến 23/12/2022, địa điểm trả xe là tại chi nhánh S1. Bà Trương Đức D có cam kết rõ ràng trong giấy mượn xe. "Hoàn trả lại tài sản mượn đúng thời hạn và địa điểm đã thỏa thuận".

Quá trình trả nợ bà Trương Đức D chưa thanh toán đúng nghĩa vụ theo hợp đồng cho Công ty, đến nay đã quá hạn hợp đồng hiện tại trễ 297 ngày. Bà Trương Đức D không trả nợ cho Công ty và cũng không trả lại xe máy cho Công ty.

Nhân viên của Công ty đã nhiều lần liên hệ qua điện thoại và đến nhà bà Trương Đức D tại địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh S nhưng đều không gặp. Công ty đã tạo rất nhiều điều kiện về thời gian để bà Trương Đức D trả lại tiền hoặc tài sản là xe máy đã cầm cố cho Công ty, nhưng bà Trương Đức D không thực hiện và có biểu hiện trốn tránh, chiếm đoạt tài sản của Công ty.

Nay Công ty Cổ phần S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc bà Trương Đức D phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo theo Hợp đồng cầm cố, giấy mượn xe đã ký với Chi nhánh S1 - Công ty Cổ phần S số STM221101025NA22X ngày 23/11/2022 số tiền 20.439.000 đồng (Hai mươi triệu bốn trăm ba mươi chín nghìn đồng) tạm tính đến ngày 16/11/2023 bao gồm:

- Gốc: 11.178.000 đồng
- Lãi: 1.353.000 đồng (1.1%/ tháng)
- Phí: 4.608.000 đồng (3.5%/ tháng)
- Phí theo dõi: 300,000 đồng mỗi tháng kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán (vi phạm nghĩa vụ thanh toán 11 tháng, số tiền: 3.300.000 đồng)

Trường hợp bà Trương Đức D không có khả năng trả nợ thì phát mãi tài sản để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty S. Ngoài ra, bà Trương Đức D còn

phải tiếp tục chịu lãi suất, phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã ký kể từ ngày 23/11/2022 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện ủy quyền của Công ty S có đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện như sau: Chỉ yêu cầu buộc bà Trương Đức D phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty S số tiền 14.393.352 đồng (Mười bốn triệu ba trăm chín mươi ba nghìn ba trăm năm mươi hai đồng). Trong đó tiền nợ gốc là 11.178.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 1.352.538 đồng, tiền lãi quá hạn: 1.862.814 đồng, còn lại các vấn đề khác không yêu cầu.

Sau khi bà Trương Đức D thanh toán xong nợ cho Công ty S thì Công ty S đồng ý trả lại cho bà Trương Đức D bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 83 000460, do Công an tỉnh S cấp ngày 31/10/2022, tên chủ xe Trương Đức D, đối với chiếc xe mô tô hai bánh nhãn hiệu: YAMAHA, số máy: E32VE650391, số khung: RLCUE3740NY162678, màu sơn: Xám Xanh Bạc Đen.

Bị đơn bà Trương Đức D trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; tham gia phiên tòa nhưng bà đều vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Trương Đức D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa, nhưng bà D đều vắng mặt, nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, b Khoản 2 Điều 227; Khoản 1,3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn ngày 13/05/2024, cũng như các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ. Trong quá trình thụ lý, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản”, theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Nguyên đơn Công ty S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà Trương Đức D phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo theo Hợp đồng cầm cố, giấy mượn xe đã ký với Chi nhánh S1 - Công ty Cổ phần S số STM221101025NA22X ngày 23/11/2022 số tiền 20.439.000 đồng (Hai mươi triệu bốn trăm ba mươi chín nghìn đồng) tạm tính đến ngày 16/11/2023 bao gồm:

- Gốc: 11.178.000 đồng
- Lãi: 1.353.000 đồng (1.1%/ tháng)
- Phí: 4.608.000 đồng (3.5%/ tháng)

- Phí theo dõi: 300,000 đồng mỗi tháng kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán (vi phạm nghĩa vụ thanh toán 11 tháng, số tiền: 3.300.000 đồng)

Trường hợp bà Trương Đức D không có khả năng trả nợ thì phát mãi tài sản để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty S. Ngoài ra bà Trương Đức D còn phải tiếp tục chịu lãi suất, phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã ký kể từ ngày 23/11/2022 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện ủy quyền của Công ty S có đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện như sau: Chỉ yêu cầu buộc bà Trương Đức D phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty S số tiền 14.393.352 đồng (Mười bốn triệu ba trăm chín mươi ba nghìn ba trăm năm mươi hai đồng). Trong đó tiền nợ gốc là 11.178.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 1.352.538 đồng (Tính từ ngày 24/12/2022 đến ngày 23/11/2023), tiền lãi quá hạn: 1.862.814 đồng (Tính từ ngày 24/11/2023 đến ngày 27/9/2024), còn lại các vấn đề khác không yêu cầu.

Sau khi bà Trương Đức D thanh toán xong nợ cho Công ty S thì Công ty S đồng ý trả lại cho bà Trương Đức D bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 83 000460, do Công an tỉnh S cấp ngày 31/10/2022 tên chủ xe Trương Đức D, đối với chiếc xe mô tô hai bánh nhãn hiệu:YAMAHA, số máy: E32VE650391; số khung: RLCUE3740NY162678; màu sơn: Xám xanh bạc đen.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện ủy quyền của nguyên đơn có đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu buộc bà Trương Đức D phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty S số tiền 14.393.352 đồng (Mười bốn triệu ba trăm chín mươi ba nghìn ba trăm năm mươi hai đồng). Trong đó tiền nợ gốc là 11.178.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 1.352.538 đồng (Tính từ ngày 24/12/2022 đến ngày 23/11/2023), tiền lãi quá hạn: 1.862.814 đồng (Tính từ ngày 24/11/2023 đến ngày 27/9/2024), còn lại các vấn đề khác không yêu cầu. Xét thấy rằng việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận.

Vào ngày 23/11/2022, giữa Công ty TNHH S2 - Chi nhánh S1 và bà Trương Đức D ký hợp đồng cầm cố tài sản số: STM221101025NA22X. Sau khi ký hợp đồng, Công ty S đã giải ngân số tiền 12.100.000 đồng cho bà Trương Đức D. Xét thấy, Hợp đồng cầm cố tài sản được hai bên xác lập trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không bị lừa dối hay bị ép buộc nên hợp đồng nêu trên là hợp pháp phù hợp với quy định tại Điều 309 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, thì bà D vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Công ty, tính đến ngày 27/9/2024 thì bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền gốc 11.178.000 đồng.

Xét yêu cầu trả lãi của nguyên đơn, các bên thoả thuận lãi suất trong hợp đồng là 1,1%/tháng, thì tiền lãi trong hạn là 1.352.538 đồng (Tính từ ngày 24/12/2022 đến ngày 23/11/2023), tiền lãi quá hạn: 1.862.814 đồng (Tính từ ngày 24/11/2023 đến ngày 27/9/2024), như vậy bị đơn còn phải trả lãi cho nguyên đơn tính đến ngày 27/9/2024 là 3.215.352 đồng.

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng, yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn, nhưng bị đơn không phản đối gì đối với yêu cầu của nguyên đơn.

[6] Từ những nhận định, phân tích trên, Hội đồng xét xử, xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Do đó áp dụng các Điều 280, Điều 309, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; buộc bà Trương Đức D có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn tổng số tiền còn nợ là 14.393.352 đồng (Mười bốn triệu ba trăm chín mươi ba nghìn ba trăm năm mươi hai đồng). Trong đó tiền nợ gốc là 11.178.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 1.352.538 đồng, tiền lãi quá hạn: 1.862.814 đồng là có căn cứ. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn Công ty S đồng ý trả lại cho bà Trương Đức D bản gốc giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 83 000460 do Công an tỉnh S cấp ngày 31/10/2022 cho bà Trương Đức D đối với chiếc xe mô tô hai bánh nhãn hiệu: YAMAHA; số loại: SIRIUS; số máy: E32VE650391; số khung: RLCUE3740NY162678; màu sơn: Xám xanh bạc đen; biển số đăng ký 83G1-122.85 sau khi bà Trương Đức D thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Công ty S.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trương Đức D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 719.668 đồng, đối với số tiền 14.393.352 đồng x 5% = 719.668 đồng.

Công ty S không phải chịu án phí, hoàn trả cho Công ty S tiền tạm ứng án phí đã nộp là 511.000 đồng theo biên lai thu số 0005093 ngày 10/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng: Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; điểm a, b Khoản 2 Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228; Khoản 1 Điều 244; Khoản 1 Điều 273; Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Áp dụng: các Điều 280, Điều 309, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng: Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Công ty S kiện bà Trương Đức D về việc "Tranh chấp hợp đồng cầm có tài sản".

2. Buộc bị đơn bà Trương Đức D phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Công ty Cổ phần S tổng số tiền còn nợ là 14.393.352 đồng (Mười bốn triệu ba trăm chín mươi ba nghìn ba trăm năm mươi hai đồng). Trong đó tiền nợ gốc là 11.178.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 1.352.538 đồng, tiền lãi quá hạn: 1.862.814 đồng.

3. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày Công ty cổ phần S có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà Trương Đức D còn phải trả lãi cho Công ty Cổ phần S theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, đối với số tiền chậm thi hành án.

4. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn Công ty S đồng ý trả lại cho bà Trương Đức D bản gốc giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 83 000460 do Công an tỉnh S cấp ngày 31/10/2022 cho bà Trương Đức D đối với chiếc xe mô tô hai bánh nhãn hiệu: YAMAHA; số loại: SIRIUS; số máy: E32VE650391; số khung: RLCUE3740NY162678; màu sơn: Xám xanh bạc đen; biển số đăng ký 83G1-122.85 sau khi bà Trương Đức D thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Công ty S.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trương Đức D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 719.668 đồng. Công ty S không phải chịu án phí, hoàn trả cho Công ty S tiền tạm ứng án phí đã nộp là 511.000 đồng theo biên lai thu số 0005093 ngày 10/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

7. Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Văn Vinh